TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:* Bà Trần Thị Thu Hiền

***Các Hội thẩm nhân dân**:* Ông Đàm Viết Khai

Bà Đỗ Thị Kim Vân

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thường Tín

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị H** - SN 1990 (Có mặt)

ĐKHKTT: thôn P, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: **Anh Dương Văn Q** - SN 1987 (vắng mặt)

ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/5/2020 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Văn Q được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống ở thôn P, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì

phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân do anh Q nghe lời chị gái đánh đuổi chị về nhà. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung nên chị và anh Q cũng không có sự ràng buộc gắn bó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, công nợ chung và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai và các văn bản tiếp theo bị đơn là anh Dương Văn Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do, tự nguyện tìm hiểu, về chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sau khi cưới sống tại nhà của bố mẹ anh tại thôn P, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng 03 năm nay chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân chị H bỏ đi là do vợ chồng chung sống nhiều năm nhưng không có con chung. Từ khi chị H bỏ đi anh và gia đình đã nhiều lần xuống đón chị H về nhưng chị H không đồng ý đoàn tụ. Ngoài ra anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn anh chấp nhận và đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, công nợ chung và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên.

Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và anh có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về pháp luật, vắng mặt nhiều lần

không có lý do.Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn Q. Về con chung: anh chị không có con chung.Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp và không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là " Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thôn P, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn P, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do anh chị không có con chung. Chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ sống nhiều năm nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Sau khi chị H làm đơn đến Tòa xin ly hôn,Tòa án đã tổ chức nhiều lần hòa giải nhưng anh Q vắng mặt không đến làm việc và chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Theo lời khai, anh Q cũng thừa nhận đã nhiều lần đến đón chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Anh Q cũng không còn biện pháp nào khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và anh đồng ý ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 -

Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn Q.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị H, anh Q không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Văn Q đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh Q là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6]Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56, 57- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Chị H và anh Q không có con chung.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Chị H và anh Q không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2018/0012374 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- TAND TP Hà Nội
- Các đương sự
- UBND xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.
(Số 62/Quyển số 01, ngày 05/12/2012)
- THA huyện Thường Tín, TP Hà Nội.
- Lưu HS vụ án

Trần Thị Thu Hiền